

SỬ DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN TIẾNG VIỆT CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC Ở KHOA SƯ PHẠM – TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Ngô Thị Kim Hoàn, Trần Phương Thanh

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Sơ đồ tư duy (SĐTD) là một trong các kỹ thuật góp phần nâng cao chất lượng dạy học. Trong quá trình giảng dạy học phần Tiếng Việt cho sinh viên ngành giáo dục Tiểu học tại khoa Sư phạm, trường Đại học Thủ đô Hà Nội, chúng tôi đã đưa kỹ thuật này vào sử dụng. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu, bài viết làm rõ vai trò của SĐTD trong việc giảng dạy học phần Tiếng Việt, từ đó đề xuất cách thiết kế và sử dụng SĐTD trong giảng dạy học phần này cho sinh viên. Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy giảng viên có thể áp dụng SĐTD vào giảng dạy học phần Tiếng Việt trong các tiết dạy lý thuyết hay trong giờ thảo luận. Quá trình dạy học này diễn ra thông qua tổ chức các hoạt động học tập cho sinh viên, qua đó giúp sinh viên phát triển năng lực tự học, phát huy khả năng làm việc cá nhân cũng như hợp tác nhóm.

Từ khóa: Sơ đồ tư duy, giáo dục Tiểu học, tiếng Việt, phương pháp dạy học.

Nhận bài ngày: 8.1.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 24.2.2023

Liên hệ tác giả: Ngô Thị Kim Hoàn; Email: ntkhoan@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Phương pháp và kỹ thuật dạy học đóng vai trò quan trọng trong quá trình giảng dạy, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên cũng như làm cho bài học trở nên hấp dẫn, sinh động. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra, chất lượng dạy và học sẽ được nâng cao hơn nếu giảng viên tổ chức cho sinh viên tiếp cận kiến thức, nội dung học tập dưới dạng SĐTD. Sử dụng SĐTD trong dạy học tạo điều kiện cho sinh viên huy động nhiều giác quan tham gia vào quá trình nhận thức, do đó các kiến thức trở nên dễ hiểu, dễ nhớ và nhớ lâu, đồng thời phát triển năng lực tự học, quan sát, phân tích, khái quát hóa,....

2. NỘI DUNG

2.1. Khái quát về việc sử dụng Sơ đồ tư duy trong dạy học

2.1.1. Khái niệm

Sơ đồ tư duy (*Mind Map*) là hình thức ghi chép phi tuyến tính dưới dạng biểu đồ; sử dụng các màu sắc, đường nét và hình ảnh để biểu thị một nội dung hay ý tưởng nào đó. Nó phản ánh quá trình tư duy của con người, có tác dụng hệ thống hóa, khái quát hóa các nội dung tri thức. Do đó, SĐTD khai thác được khả năng ghi nhận hình ảnh của bộ não. Đây là cách để ghi nhớ chi tiết, hệ thống, hay phân tích một vấn đề ra thành một dạng của lược đồ phân thành các nhánh. Dựa vào SĐTD, chúng ta sẽ có cái nhìn tổng quan, hệ thống hơn về một vấn đề nào đó.

Có nhiều loại SĐTD khác nhau như sơ đồ vòng tròn (*Circle Map*), sơ đồ bong bóng (*Bubble Map*), sơ đồ bong bóng kép (*Double Bubble Map*), sơ đồ cây (*Tree Map*), sơ đồ luồng (*Flow Map*), sơ đồ đa luồng (*Multi Flow*), sơ đồ dấu ngoặc (*Brace Map*) và sơ đồ cầu (*Bridge Map*).

2.1.2. Xuất xứ và cấu trúc của Sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy được Tony Buzan (sinh năm 1942 tại Luân Đôn) phát triển vào cuối những năm 60 của thế kỉ XX. Theo ông, SĐTD là một hình thức ghi chép, sử dụng màu sắc và hình ảnh để hệ thống, mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Cấu tạo của SĐTD gồm: chủ đề chính, các nhánh con, từ khóa, hình ảnh gợi nhớ, liên kết và màu sắc, kích cỡ.

Sơ đồ tư duy chú trọng tới hình ảnh, màu sắc, với các mạng lưới liên kết. Việc vẽ SĐTD được thực hiện theo cách truyền thống (trên tờ giấy với các loại bút màu khác nhau (nếu có)) hoặc sử dụng phần mềm. Ở giữa SĐTD là một ý tưởng hay hình ảnh trung tâm. Ý tưởng này sẽ được phát triển bằng các nhánh, các ý tưởng được liên kết với nhau khiến SĐTD có thể bao quát được các ý tưởng trong phạm vi sâu rộng hơn [6]. Cụ thể, ở vị trí trung tâm đặt một hình ảnh hoặc một từ khóa thể hiện một chủ đề, một nội dung, một ý tưởng hoặc một khái niệm. Từ chủ đề trung tâm sẽ được phát triển nối với các hình ảnh hay từ khóa, chủ đề cấp 1 liên quan trực tiếp với các chủ đề chính bằng các nhánh chính (nhánh cấp 1). Từ các nhánh chính được tiếp tục phát triển, phân nhánh đến các hình ảnh, các tiểu chủ đề cấp 2, cấp 3.... có liên quan đến nhánh chính (trên các nhánh có thể thêm các hình ảnh, kí hiệu cần thiết). Cứ như vậy, sự phân nhánh được tiếp tục và các chủ đề nội dung được phát triển và kết nối với nhau tạo nên một bức tranh tổng thể mô tả về chủ đề trung tâm.

2.2. Một số vấn đề chung về sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học học phần Tiếng Việt

2.2.1. Khái quát chung về học phần Tiếng Việt

Học phần Tiếng Việt trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học các kiến thức về tiếng Việt. Cụ thể, nội dung 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức khái quát về ngôn ngữ, các em cần nhận biết đặc điểm của ngôn ngữ, phân biệt các loại hình ngôn ngữ, nguồn gốc của ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng,...

Nội dung 2 là về ngữ âm tiếng Việt, sinh viên được học về cấu tạo của âm tiết, phân loại âm tiết tiếng Việt, vận dụng trong việc dạy âm vần cho học sinh lớp 1. Với nội dung 3, sinh viên được học về từ vựng tiếng Việt, biết giải nghĩa từ theo nghĩa biểu vật, biểu niệm và biểu thái, từ đó có cơ sở để phân biệt từ đồng nghĩa và đa nghĩa - đây là nội dung quan trọng trong việc dạy từ ở Tiểu học. Bên cạnh đó, các em còn cần xác định được các kiểu từ xét về mặt

cấu tạo, phân biệt từ đơn, từ láy và từ ghép... Nội dung 4 cung cấp kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt, các em cần biết xây dựng câu đơn, câu ghép, xác định được các thành phần của câu (đặc biệt là chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ - các thành phần câu được dạy trong chương trình Tiểu học), phân biệt các từ loại của tiếng Việt (như danh từ, động từ, tính từ, đại từ, quan hệ từ...). Từ đó, các em được hướng dẫn vận dụng trong dạy phân môn Luyện từ và câu các bài Lí thuyết ở lớp 4 và lớp 5 hiện nay.

Còn ở nội dung 5, sinh viên được học về các phương tiện và biện pháp tu từ, các em cần biết cách xây dựng văn bản đúng thể loại (miêu tả, kể chuyện, ...), vận dụng so sánh, nhân hóa,... trong văn bản. Học phần gồm 60 tiết lí thuyết với khối lượng kiến thức lớn, đòi hỏi người học tập trung và nỗ lực. Sinh viên được yêu cầu đọc và chuẩn bị bài trước khi tới lớp, làm bài tập về nhà để ôn luyện các kiến thức đã học. Giờ tự học dành cho học phần này là 120 giờ và 60 giờ học tập tại lớp. Thời lượng học tập trên lớp còn ít so với nhiệm vụ học phần, do đó đòi hỏi người dạy phải đổi mới các hình thức và vận dụng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học hiện đại.

2.2.2. Vai trò của sơ đồ tư duy trong dạy học học phần Tiếng Việt

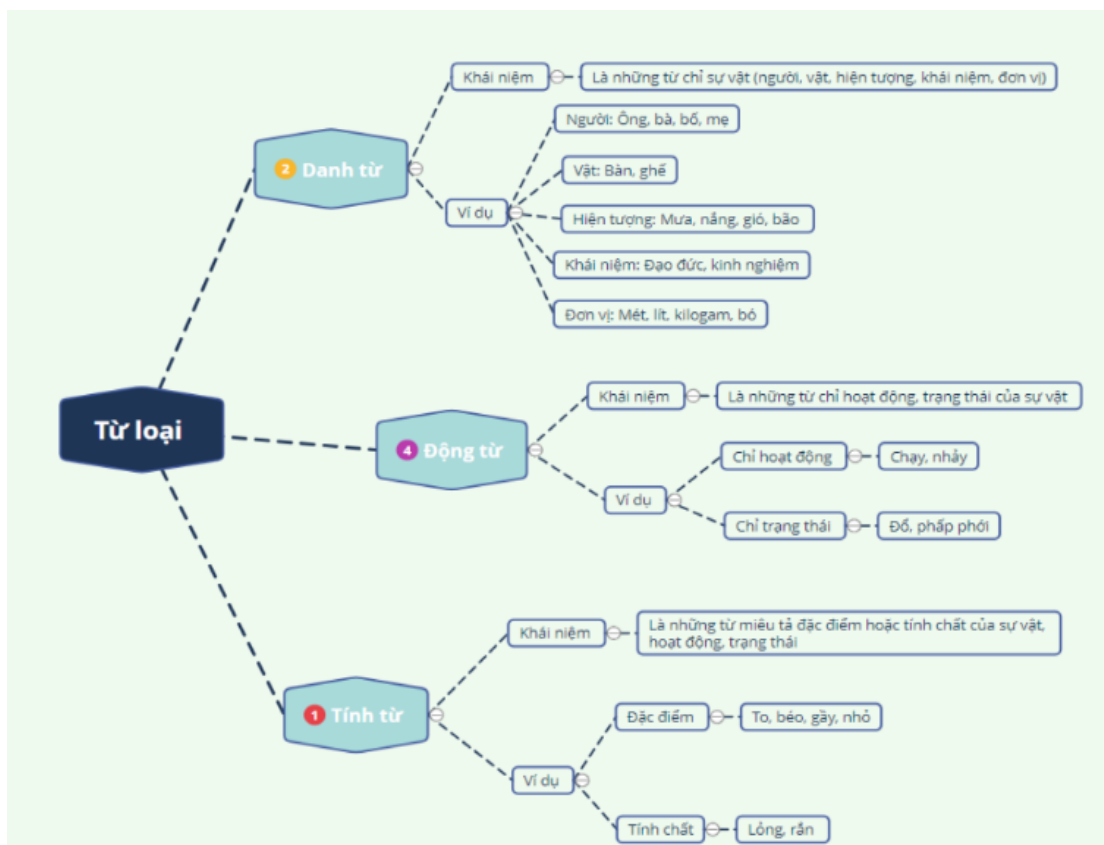
Sơ đồ tư duy được sử dụng giúp sinh viên tăng khả năng ghi nhớ, nhận thấy mối liên hệ giữa các ý tưởng, nội dung,... bên cạnh đó giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, giúp họ hiểu bài, nhớ lâu hơn. Trong học phần Tiếng Việt, sinh viên cần xác định được các từ loại tiếng Việt, để làm được điều đó, ngoài đặt từ trong ngữ cảnh, người học còn cần nhớ kiến thức về cấu tạo từ để xác định được đúng từ đơn, từ láy và từ ghép, phân biệt được từ ghép với cụm từ tự do,... Có thể nói, các nội dung của học phần này có sự gắn kết chặt chẽ. Nếu học một cách “máy móc” thì sinh viên sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình học tập.

Ví dụ: “*cánh gà*” là cụm từ tự do, cấu tạo bởi hai từ đơn trong trường hợp cụm từ chỉ một bộ phận của con gà (cánh của gà), còn khi nó mang nghĩa là “*tám màn mỏng che hai bên sân khấu*” [4] thì nó là một từ ghép. Hay với từ “nhận mặt” trong câu thơ: “*Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*”, nếu không xác định được đây là từ ghép, các em có thể nhầm lẫn rằng đây là cụm từ tự do gồm hai từ đơn, dẫn tới việc xác định “*nhận*” là động từ, “*mặt*” là danh từ, trong khi từ ghép “*nhận mặt*” là động từ.

Nghiên cứu chỉ ra rằng bộ não con người sẽ hiểu sâu, nhớ lâu và in đậm cái mà do chính mình tự suy nghĩ, tự viết, thể hiện ra theo ngôn ngữ, cách thức của mình. Vì vậy, việc sử dụng SĐTD giúp sinh viên học tập một cách chủ động, tích cực, huy động tối đa tiềm năng của bộ não. Người thiết kế SĐTD phải chọn lọc thông tin, từ ngữ, sắp xếp, bố cục để “ghi” thông tin cần thiết và đảm bảo tính logic, khoa học. Vì vậy, sử dụng SĐTD sẽ giúp sinh viên hình thành cách ghi chép có hiệu quả. Thực tế cho thấy một số sinh viên rất chăm chỉ nhưng kết quả học tập còn chưa tốt.

Các em thường học bài nào biết bài đó, học phần sau đã quên phần trước và không biết liên kết các kiến thức, không biết vận dụng kiến thức đã học trước đó vào những phần sau. Phần lớn số sinh viên này khi đọc sách hoặc nghe giảng trên lớp chưa biết cách tự ghi chép

để lưu trữ thông tin, kiến thức trọng tâm. Do đó, sử dụng SĐTD trong dạy học sẽ giúp sinh viên khắc phục những điều này.



Hình 1. Sơ đồ tư duy về một số Từ loại tiếng Việt được dạy trong chương trình Tiểu học

Khi làm việc với SĐTD, sinh viên học được cách tìm kiếm, thu thập thông tin, tổ chức thông tin, thể hiện ý tưởng theo sự sáng tạo của bản thân. Tự vẽ SĐTD sẽ giúp phát huy tối đa tính sáng tạo của sinh viên, phát triển năng khiếu hội họa, dựa trên sở thích các em chọn màu sắc, đường nét... nên mỗi SĐTD thể hiện cách hiểu, cách trình bày vấn đề của từng sinh viên và SĐTD do các em tự thiết kế nên các em cũng sẽ trân trọng “tác phẩm” của mình qua đó tăng hứng thú trong quá trình học tập.

Đây là một sản phẩm được thực hiện bởi sinh viên lớp GDTH D2021 khi các em mới bắt đầu vận dụng SĐTD để học tập. Các em hào hứng xây dựng SĐTD, sử dụng các cách trình bày khác nhau, dùng nhiều mô hình, biểu tượng, SĐTD của các em sinh động và thú vị. Tuy cách thiết kế bằng tay sẽ mất nhiều thời gian và công sức, nhưng giúp sinh viên nắm bài nhanh chóng, tích cực và hiệu quả.

Sơ đồ tư duy có thể áp dụng khá linh hoạt trong nhiều điều kiện học tập khác nhau. Giảng viên và sinh viên có thể sử dụng phấn, bút màu các loại trên bảng, trên giấy,... tùy thuộc vào từng hoạt động dạy học, hoặc có thể sử dụng các phần mềm hỗ trợ rồi trình chiếu. Vì vậy, có thể khẳng định, SĐTD phù hợp với cơ sở vật chất của bất kỳ trường đại học nào.



Hình 2. Sơ đồ tư duy kiểu truyền thống

2.3. Sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học học phần Tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học tại khoa Sư phạm, trường Đại học Thủ đô Hà Nội

2.3.1. Thiết kế sơ đồ tư duy

Hiện nay có 2 cách vẽ SĐTD: cách vẽ truyền thống với việc sử dụng các loại bút màu, giấy vẽ và cách sử dụng các dạng phần mềm của Mind map.

- Sơ đồ tư duy được vẽ theo cách truyền thống trên các dụng cụ giấy, bút chì, bút màu như trên mặc dù sẽ có thể tạo được không khí học tập sôi nổi trong quá trình làm việc nhóm của sinh viên nhưng sẽ gặp phải khó khăn nếu rơi vào tình trạng ý tưởng truyền tải nội dung cho SĐTD có sự thay đổi trong quá trình thực hiện, đó có thể là thêm hoặc bớt nội dung đồng nghĩa với thêm nhánh hay xóa nhánh. Vì vậy, sử dụng phương pháp vẽ truyền thống cần ấn định kết cấu của SĐTD tránh lỗi phải tẩy xóa mất thẩm mỹ hoặc phải vẽ lại.

- Vẽ SĐTD bằng các phần mềm Mind Map như Mind Manager của Mindjet, Concept Draw MINDMAP, Visual Mind, Axon Idea Processor,... Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm là cho phép thêm, bớt các mối liên kết nhanh chóng, đồng thời cũng có thể dễ dàng chỉnh sửa, thay đổi sơ đồ. Ứng dụng phần mềm Mind Map với thanh công cụ phong phú về màu sắc, độ tương phản và nhiều khung hình khác nhau cũng như chèn các hình ảnh minh

họa theo nội dung bài học sẽ giúp SĐTD có nhiều màu sắc, hình ảnh,... hấp dẫn, sinh động hơn.

Dù vẽ theo cách nào thì trình tự vẽ SĐTD cũng được tiến hành theo 4 bước:

Bước 1: Vẽ chủ đề ở trung tâm.

Bước 2: Từ chủ đề trung tâm, vẽ các nhánh chính nối với chủ đề. Trên mỗi nhánh chính viết một từ, cụm từ phản ánh một nội dung ý tưởng của chủ đề.

Bước 3: Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ (nhánh phụ cấp 1) để làm rõ cho nhánh chính đó.

Bước 4: Hãy để trí tưởng tượng bay bổng. Chúng ta có thể thêm nhiều hình ảnh nhằm giúp các ý quan trọng thêm nổi bật cũng như ghi nhớ tốt hơn.

2.3.2. Sử dụng sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy là công cụ đồ họa nối các hình ảnh có liên hệ với nhau vì vậy có thể vận dụng SĐTD vào hỗ trợ dạy học kiến thức mới, củng cố kiến thức sau mỗi tiết học, ôn tập hệ thống hóa kiến thức. Trong giảng dạy học phần Tiếng Việt, SĐTD có thể sử dụng trong các hoạt động:

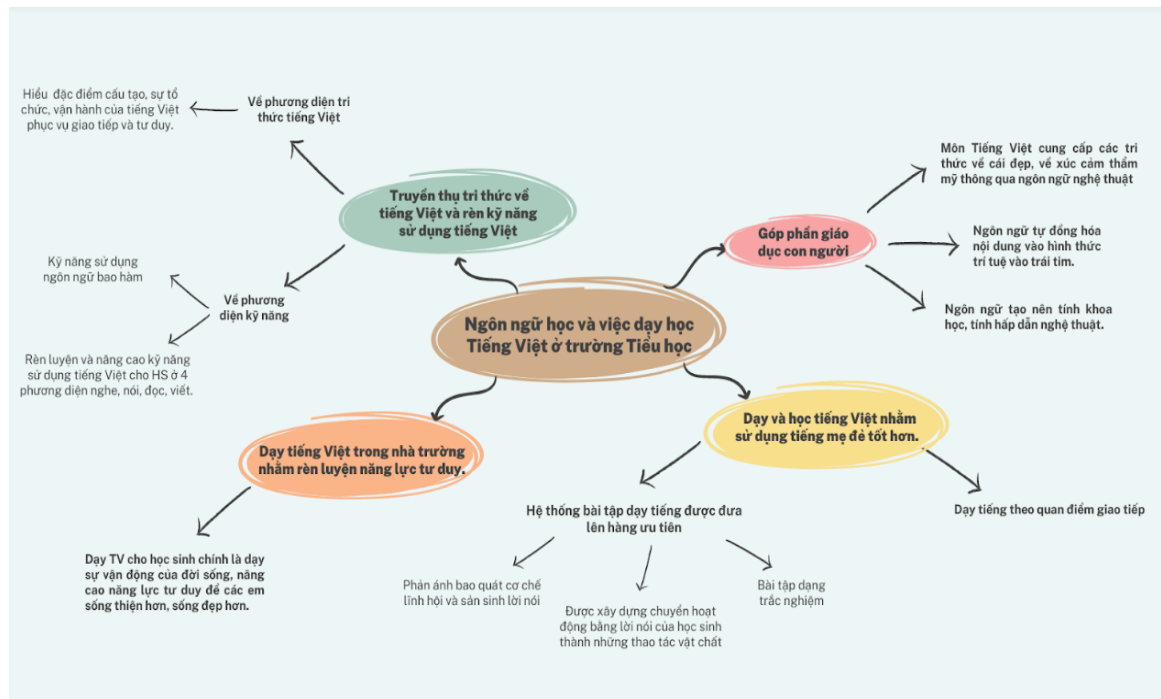


Hình 3. Sơ đồ tư duy được thiết kế bằng phần mềm Mindmap

- Sử dụng SĐTD trong tiết dạy lý thuyết: Trong một giờ lên lớp, giảng viên phải sử dụng kết hợp, linh hoạt nhiều phương pháp khác nhau, nhằm mang lại hiệu quả dạy - học tối ưu. Sơ đồ tư duy có thể được phối hợp với nhiều phương pháp dạy học khác như: thảo luận nhóm, vấn đáp... Với đặc điểm thời gian của tiết học lý thuyết ngắn, giảng viên cần truyền tải những lượng kiến thức đảm bảo theo phân phối chương trình, vì thế việc sử dụng SĐTD có thể thực hiện ở nhiều khâu. Ví dụ trong giờ học có thể sử dụng kỹ thuật này trong các hoạt

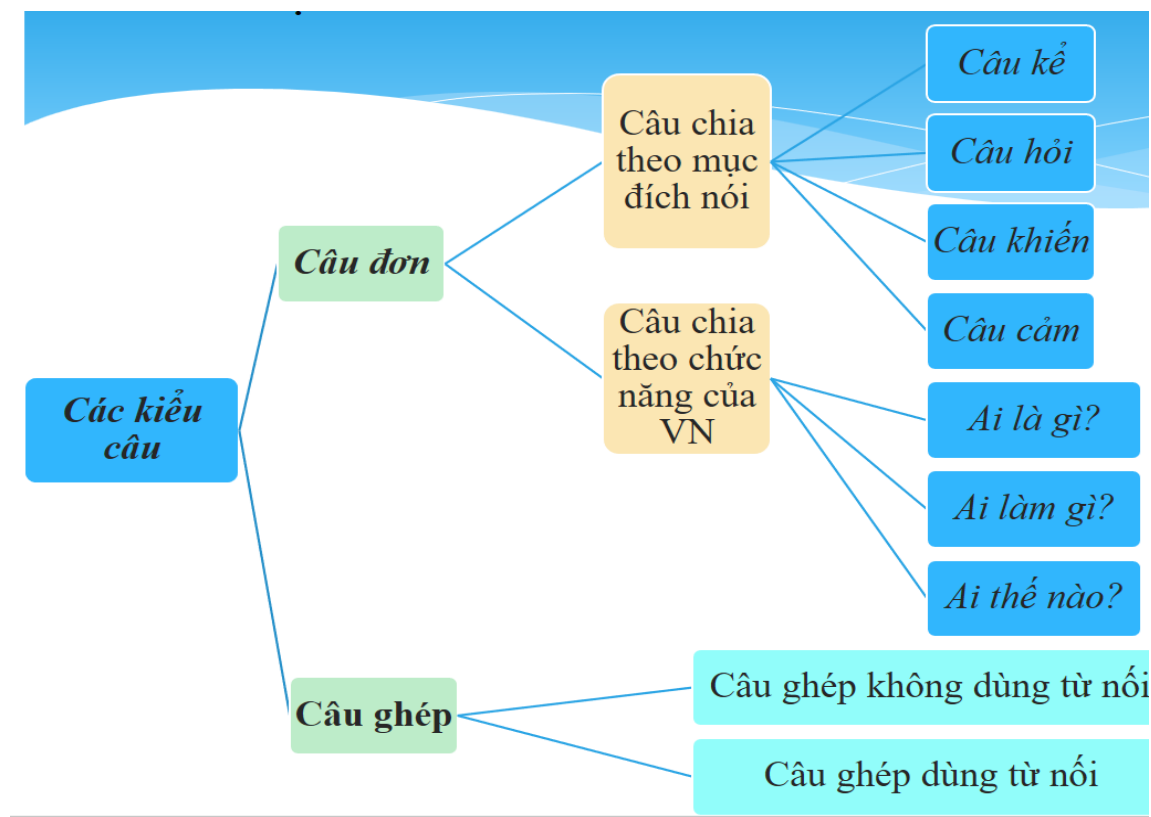
động thảo luận nhóm. Việc lựa chọn câu hỏi thảo luận phù hợp kết hợp trình bày trên SĐTĐ giúp sinh viên phát huy tính tích cực chủ động, đồng thời giúp các em có thể phát huy tư duy và suy luận để giải quyết vấn đề.

- Sử dụng SĐTĐ trong chốt kiến thức: Trong các tiết dạy lý thuyết, cuối mỗi tiết học giảng viên cần tổng kết chốt lại kiến thức. Đây là một việc làm quan trọng giúp sinh viên tổng kết lại nội dung đã học. Nếu như giảng viên khiến phần chốt kiến thức trở nên sinh động với SĐTĐ sẽ giúp sinh viên ghi nhớ được đầy đủ, thậm chí ghi nhớ sâu sắc vấn đề đã được nghiên cứu một cách đơn giản, nhanh chóng.



Hình 4. Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức cuối giờ học

- Sử dụng SĐTĐ trong giờ thảo luận: Tiết thảo luận người giảng viên có vai trò định hướng, tổ chức và điều khiển; còn sinh viên là người trực tiếp thực hiện các hoạt động học nên sự chủ động, tích cực và năng động của các em được thể hiện cao hơn so với các tiết học lý thuyết. Bên cạnh đưa ra những nội dung thảo luận phù hợp thì việc giảng viên lựa chọn các phương pháp thảo luận nhóm cũng là yếu tố quan trọng dẫn đến thành công của giờ học. Trong giờ thảo luận giảng viên có thể yêu cầu các nhóm trình bày kết quả thảo luận thông qua SĐTĐ. Kết quả ở mỗi SĐTĐ không những phản ánh thái độ nghiêm túc, tích cực của các nhóm trong mà còn thể hiện cách làm việc nhóm, sự hợp tác giữa các thành viên. Trong quá trình trình bày nội dung, ý tưởng của nhóm thông qua SĐTĐ, sinh viên không chỉ được khám phá kiến thức, rèn luyện kỹ năng mà còn thể hiện được sự sáng tạo, được thuyết trình, học hỏi cách tiếp cận, thể hiện vấn đề theo những theo các cách khác nhau. Sau khi các nhóm trình bày kết quả thảo luận, giảng viên yêu cầu các nhóm khác bổ sung, nhận xét, cuối cùng giảng viên nhận xét, bổ sung và đưa ra SĐTĐ khái quát vấn đề thảo luận, từ đó giúp sinh viên hoàn thiện, bổ sung chỉnh sửa. Việc tập hợp hệ thống các SĐTĐ này sẽ là tài liệu ôn tập hiệu quả cho sinh viên.



Hình 5. Sản phẩm sơ đồ tư duy của một trong các nhóm sau thảo luận

3. KẾT LUẬN

Đạy học bằng SĐTD kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực của sinh viên, nâng cao hiệu quả học tập, tăng cường trách nhiệm cá nhân, tạo cơ hội cho sinh viên giao tiếp, thể hiện được quan điểm và giúp đỡ lẫn nhau trong học tập. Bên cạnh đó, cũng giúp giờ học trở nên sôi nổi, hấp dẫn hơn. Thông qua việc cung cấp cho người dạy và người học một bức tranh tổng thể, khái quát về nội dung kiến thức, SĐTD cũng phát huy vai trò tích cực trong việc củng cố, hệ thống hóa kiến thức và ôn tập trong giảng dạy học phần Tiếng Việt. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả và đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học thì giảng viên cần lựa chọn nội dung phù hợp để áp dụng kỹ thuật trên đồng thời vận dụng linh hoạt, nhịp nhàng với các phương pháp và kỹ thuật dạy học khác để nâng cao hiệu quả dạy học, phù hợp với những điều kiện hoàn cảnh cụ thể và nghệ thuật sư phạm của người giảng viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD-ĐT, Dự án Việt - Bỉ (2010). *Đạy và học tích cực một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
2. Hoàng Phê (2011). *Từ điển tiếng Việt*. Nhà xuất bản Đà Nẵng.
3. Phó Đức Hoà (2011). *Đạy học tích cực và cách tiếp cận trong dạy học tiểu học*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
4. Tony & Barry Buzan, Lê Huy Lâm biên dịch (2008). *The mind map book - Sơ đồ tư duy*. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Tony Buzan (2007). *Sử dụng trí tuệ của bạn*. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Trần Thu Hiền (2019). Vận dụng kết hợp kỹ thuật sơ đồ tư duy với phương pháp dạy học theo nhóm trong dạy học ở Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu. *Tạp chí Giáo dục*, 458, 26-31.

**USING MIND MAPPING TO IMPROVE THE QUALITY OF
TEACHING VIETNAMESE LANGUAGE FOR PRIMARY SCHOOL
PRE-SERVICE TEACHERS AT THE FACULTY OF EDUCATION
IN HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY**

***Abstract:** Mind mapping is considered one of the teaching techniques that contribute to improving the quality of teaching. However, in the process of teaching Vietnamese for primary school pre-service teachers at the Faculty of Education, Hanoi Metropolitan University, the application of this technique is still limited. Based on the study of documents, the article clarifies the role of mind maps in teaching Vietnamese language modules, thereby proposing how to design and use mind maps in teaching this module. Through research, we found that lectures can apply mind maps to teaching this module in theoretical or discussion sessions. This is the process of teaching and learning through organizing students' learning activities, practicing self-study methods, and promoting students' ability to work individually as well as in groups.*

***Keywords:** Mind map, primary education, Vietnamese language, teaching method.*